TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-DS	*Lộc Hà, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1987, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh,

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G, sinh năm: 1984, Luật sư Công ty L5, Đoàn Luật sư tỉnh H, địa chỉ: Số B đường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh,

- Bị đơn: Ông Quách Trọng T1, sinh năm: 1979 và vợ là bà Trần Thị N, sinh năm: 1980, đều có địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1974,

+ Anh Lê Văn T2, sinh năm: 1976 (đã chết), có vợ là bà Trần Thị Cẩm T3, sinh năm: 1979 và con là Lê Quang T4, sinh năm: 2004 và Lê Thị Lan A, sinh năm: 2006,

+ Anh Lê Phi L, sinh năm: 1985,

Đều thường trú tại: Thôn Q, xã T, huyện L và uỷ quyền cho ông Lê Văn T tham gia tố tụng tại Toà án;

+ Bà Lê Thị L1, sinh năm: 1935,

+ Ông Quách Trọng M, sinh năm: 1969 và vợ là bà Trần Thị N1, sinh năm: 1969,

+ Anh Quách Trọng T5 (đã chết), vợ là bà Đinh Thị L2, sinh năm: 1969 và con là chị Quách Thị H, anh Quách Trọng Đ1; uỷ quyền cho bà Đinh Thị L2 tham gia tố tụng tại Toà án;

+ Ông Quách Trọng L3, sinh năm: 1976, vợ là bà Lê Thị H1, sinh năm: 1978,

Đều thường trú tại thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Bà Quách Thị S, sinh năm: 1966, thường trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nguồn gốc thửa đất có tranh chấp: Các bên thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất anh Lê Văn T khởi kiện (theo bản đồ 299 và Sổ mục kê đất đai là thửa đất số 342, TBĐ số 4, diện tích 930m^2, tên người sử dụng đất: Lê Văn Đ2 tại thôn Q, xã T, huyện L) có nguồn gốc do ông Lê Văn Đ2 (chết năm 2018) và bà Dương Thị L4 (chết năm 2019) là bố mẹ anh Lê Văn T tạo lập. Hiện nay, thửa đất đang được ông Quách Trọng T1, bà Trần Thị N sử dụng.

2.2 Về nội dung thỏa thuận: Các đương sự thống nhất thỏa thuận, bị đơn trả lại một phần diện tích đất đang sử dụng cho nguyên đơn trên cơ sở các bên xác định diện tích cụ thể trên thực địa căn cứ hiện trạng sử dụng đất, về loại đất được xác định theo hiện trạng quản lý đất đai của nhà nước.

2.3 Về diện tích phần đất các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn thỏa thuận trả lại cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn tổng diện tích: 380,0m^2; trong đó chiều dài, chiều rộng, chiều sâu thửa đất cụ thể như sau: (8,49; 45,84; 8,56; 45,48)m (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.4 Thông tin cụ thể về thửa đất các bên thỏa thuận: Diện tích, tứ cận và các mặt tiếp giáp, loại đất, số thửa, vị trí, địa chỉ và các thông tin liên quan đến thửa đất các bên thống nhất thỏa thuận thể hiện tại sơ đồ bản vẽ kèm theo.

2.5 Các đương sự có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan đến việc được sử dụng hợp pháp thửa đất cùng với các tài sản trên đất.

2.6 Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng:

- Về chi phí dời dọn tài sản: Ông Quách Trọng T1, bà Trần Thị N tự nguyện dời dọn tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho nguyên đơn.

- Về án phí, chi phí tố tụng (đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ): Các đương sự thoả thuận mỗi bên chịu ½ án phí, lệ phí, chi phí tố tụng.

Áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Lê Văn T phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Lê Văn T được hoàn trả số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0012416 ngày 28/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn (ông Quách Trọng T1, bà Trần Thị N) phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng. Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nữ Ngọc Diệp